

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 21 - 3 - 2018.

V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Đào Văn Rạng.

- Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Tòa án.

Ngày 21/3/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2017/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXX - ST ngày 01/3/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T – Sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Phạm Minh H – Sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị T, anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 02/10/2017 cũng như lời khai chị Trần Thị T tại phiên tòa thể hiện: Chị kết hôn với anh Phạm Minh H vào tháng 01/2013 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân và anh H sống không chung thủy với vợ con vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Đến tháng 11/2017 vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn mục đích

hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩ Hưng xem xét giải quyết cho chị được ly hôn Phạm Minh H.

Về con chung chị Trần Thị T khai: Giữa chị và anh H có một con chung là cháu Phạm Hải Đ, sinh ngày 17/5/2014 hiện cháu Đăng đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi cháu Đăng và không yêu cầu anh H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung của vợ chồng chị T khai vợ chồng chị không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí chị T đề nghị giải quyết theo quy định.

Lời khai của anh Phạm Minh H tại các buổi làm việc với Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện: Anh kết hôn với chị T vào tháng 01/2013 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 9/2017 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân vì vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến tháng 11/2017 chị T dẫn con nhỏ bỏ ra khỏi nhà, vợ chồng anh sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh thì anh không nhất trí ly hôn vì anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T vẫn còn mặt khác con còn nhỏ anh mong muốn chị T suy nghĩ lại về đoàn tụ với gia đình tiếp tục nuôi dạy con cái trưởng thành.

Về con chung anh H xác định vợ chồng có một con chung là cháu Phạm Hải Đ, sinh ngày 17/5/2014 hiện cháu Đăng đang do chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án anh có quan điểm nếu vợ chồng phải ly hôn thì anh có nguyện vọng nuôi cháu Đ và không yêu cầu chị T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Nhưng tại phiên tòa hôm nay anh thay đổi quan điểm nếu vợ chồng ly hôn anh nhất trí để chị T trực tiếp nuôi con chung và anh không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Về tài sản chung anh H xác định vợ chồng không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên được phân công tham gia giải quyết vụ án có ý kiến: Do Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ vì vậy Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa để xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị T và anh Phạm Minh H đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn R huyện N. Nay chị Trần Thị T có đơn xin ly hôn anh Phạm Minh H Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Phạm Minh H vào tháng 01 năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn R là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Mặc dù được gia đình hai bên động viên khuyên giải nhưng không thành, vợ chồng ly thân nhau từ đầu tháng 11/2017. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Minh H.

Về phía anh H xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là có nhưng chưa đến mức dẫn đến ly hôn. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T vẫn còn mặt khác con còn nhỏ nên anh H mong muốn chị T suy nghĩ lại về đoàn tụ để tiếp tục nuôi dạy con cái trưởng thành.

Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị T và anh Phạm Minh H phát sinh từ năm 2017, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2017 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tạo điều kiện để hai bên có cơ hội đoàn tụ nhưng đến nay tình cảm vợ chồng chị T và anh H vẫn không được cải thiện, vợ chồng chị T anh H vẫn sống ly thân mỗi người một nơi. Do vậy tình cảm vợ chồng là không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T xin ly hôn xét thấy có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét quan điểm anh Phạm Minh H không nhất trí ly hôn vì anh xác định tình cảm giữa anh và chị T vẫn còn, con còn nhỏ anh mong muốn chị T suy nghĩ lại vợ chồng về đoàn tụ tiếp tục nuôi dạy con cái trưởng thành, nhưng anh H cũng thừa nhận việc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 11/2017 cho đến nay và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tạo điều kiện để hai bên có cơ hội đoàn tụ nhưng đến nay tình cảm vợ chồng anh chị vẫn không được cải thiện, vẫn mỗi người một nơi. Do vậy việc anh H không nhất trí ly hôn là không có căn cứ do vậy không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Phạm Minh H đều thống nhất xác định vợ chồng có một con chung là cháu Phạm Hải Đ, sinh ngày 17/5/2014 hiện cháu Đ đang do chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T và anh H đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu Đ, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh H có quan điểm nhất trí để chị T trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng sau ly hôn. Thấy việc anh H chị T thống nhất để chị T trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng sau khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Trần Thị T và anh Phạm Minh H đều thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[1] - Xử lý hôn giữa chị Trần Thị T và anh Phạm Minh H.

[2] - Về con chung: Xử giao cháu Phạm Hải Đ, sinh ngày 17/5/2014 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị T. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

[3] - Án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số BB/2012/06122 ngày 22/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị T, anh H. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn R;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương